Phụ lục 37
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ HÒA HƯNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 6.2, 10, 14, 14.1, 14.2, 14.3, 15 Phụ lục 37 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL37 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Đường ĐH. Hòa An (cũ)		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường ĐH. Hòa An)
2	6	Cụm, tuyến dân cư vượt lũ tại ấp Cây Huệ		
	6.2	Đường số 6, 8, 2 (đoạn còn lại), 4 (đoạn từ lô nền H2 - lô nền H13)	924	Sửa tên đường (Tên cũ: - Đường số 6, 8, 2, 4 (đoạn từ lô nền H2 - lô nền H13))
3	10	Đường dọc Kênh Ranh (giáp ranh thành phố Cần Thơ): Đoạn từ Kênh Xáng Ô Môn đến Kênh KH7	385	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường dọc Kênh Ranh (giáp ranh thành phố Cần Thơ): Đoạn từ Kênh Xáng Ô Môn đến Kênh KH17)
II	**BỔ SUNG**			

TT	Số TT PL37 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1		Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	330	Bổ sung
2		Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	270	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	14	Đường ấp, liên ấp, ngõ, xóm (trừ đường nhánh của các tuyến đường từ số thứ tự số 1 đến số 7 của Bảng giá đất này mà có bề rộng đường lớn hơn hoặc bằng 2,0 mét)		Hủy bỏ
a	14.1	Đường được cứng hóa (bê tông/láng nhựa) có bề mặt đường từ 3m trở lên		Hủy bỏ
b	14.2	Đường được cứng hóa (bê tông/láng nhựa) có bề mặt đường dưới 3m		Hủy bỏ
c	14.3	Các loại đường còn lại (đường đất , cấp phối, chưa kiên cố hóa..)		Hủy bỏ
2	15	Không tiếp giáp đường, không có lối đi nhờ		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL37 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I		**Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản) tiếp giáp các tuyến đường**		**Bổ sung**
1		Đường ĐT.963, Đường Tỉnh ĐT.963D		Bổ sung
a		Đất trồng cây lâu năm	134	Bổ sung
b		Đất trồng cây hằng năm và đất nuôi trồng thủy sản	110	Bổ sung
2		Đường ĐH.Hòa An (cũ); Tuyến đường huyện cũ (nhựa)		Bổ sung
a		Đất trồng cây lâu năm	125	Bổ sung
b		Đất trồng cây hằng năm và đất nuôi trồng thủy sản	102	Bổ sung
II		**Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản) trừ mục I**		**Bổ sung**
1		Đất trồng cây lâu năm	89	Bổ sung
2		Đất trồng cây hằng năm và đất nuôi trồng thủy sản	73	Bổ sung